





VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Aluminum Potassium Sulfate	MSDS: 16/10/2012
--	--	---------------------

Trang phục bảo hộ	Nhãn	HMSI (USA)								
   		<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="background-color: #0000FF; color: white;">Health</td> <td style="background-color: #0000FF; color: white;">2</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #FF0000; color: white;">Fire</td> <td style="background-color: #FF0000; color: white;">0</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #FFFF00; color: black;">Reactivity</td> <td style="background-color: #FFFF00; color: black;">0</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">Personal Protection</td> <td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">E</td> </tr> </table>	Health	2	Fire	0	Reactivity	0	Personal Protection	E
Health	2									
Fire	0									
Reactivity	0									
Personal Protection	E									

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên gọi: Aluminum potassium sulfate Tên thương mại: Số CAS: 7784-24-9 Số UN: Số đăng ký EC: Tên nhà sản xuất: Mục đích sử dụng: phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.	Đơn vị sử dụng: VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719 Liên hệ khẩn cấp: Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115
--	--

2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần hóa chất	CAS-Number	Công thức cấu tạo	% theo khối lượng
Aluminum potassium sulfate	7784-24-9	$AlK(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$	100

3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

-	Tác động cấp tính <i>Tiếp xúc với mắt:</i> nguy hại. <i>Nuốt phải:</i> nguy hại. <i>Hít phải:</i> nguy hại. <i>Tiếp xúc với da:</i> nguy hại. Tác động mãn tính <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị. <i>Gây đột biến gen:</i> không có giá trị.
---	---

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Aluminum Potassium Sulfate	MSDS: 16/10/2012
<p>Gây quái thai: không có giá trị.</p> <p>Độc tính phát triển: không có giá trị.</p> <p>Tiếp xúc lâu dài và lặp lại nhiều lần hóa chất này không làm xấu đi tình trạng sức khỏe.</p>		
4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ		
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với mắt Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, có thể sử dụng nước lạnh. Gọi sự trợ giúp từ y tế. Gặp bác sĩ chuyên khoa. - Tiếp xúc với da Rửa vùng da nhiễm bẩn với nhiều nước, có thể sử dụng nước lạnh. Xoa vùng da nhiễm bẩn bằng kem làm mềm. Thay quần áo nếu bị nhiễm bẩn hóa chất. Gọi sự trợ giúp từ y tế. Quần áo nhiễm bẩn phải tẩy giặt trước khi sử dụng lại. Trong trường hợp nặng, rửa bằng xà phòng khử trùng và xoa kem chống khuẩn. Gọi trợ giúp từ y tế. - Hít vào Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Gọi sự trợ giúp từ y tế. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi sự trợ giúp từ y tế. - Nuốt vào Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... 		
5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ		
<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính cháy của hóa chất: không cháy. - Nhiệt độ tự bốc cháy: không áp dụng. - Điểm bốc cháy: không áp dụng. - Giới hạn có thể cháy: không có giá trị. - Sản phẩm cháy: không có giá trị. 		

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Aluminum Potassium Sulfate</p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác: không áp dụng. - Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác <i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị. <i>Tác động tĩnh:</i> không có giá trị. - Chỉ dẫn chữa cháy: không có giá trị. 		
<p>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật. - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể cho đổ tràn tới hệ thống cống. 		
<p>7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Sự đề phòng Không được hít bụi. Ngăn tiếp xúc với mắt. Trang bị trang phục bảo hộ thích hợp. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, mang thiết bị hô hấp phù hợp. Nếu cảm thấy không khỏe, cần gọi ngay sự trợ giúp từ y tế. Giữ hóa chất xa các tác chất không phù hợp như hóa chất oxi hóa, kim loại, kiềm. - Tồn trữ Đóng chặt nắp thùng chứa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thoáng mát. Trữ hóa chất ở nhiệt độ < 25°C. 		
<p>8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát kỹ thuật Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn. - Bảo hộ cá nhân: kính bảo hộ, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang ngăn bụi, găng tay - Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn: kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, 		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Aluminum Potassium Sulfate	MSDS: 16/10/2012
mắt nạ ngăn bụi. ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Tham khảo ý kiến chuyên gia trước khi xử lý sự cố.		
9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT		
<ul style="list-style-type: none"> - Trạng thái và hình dạng vật lý: thể rắn. - Mùi: không mùi. - Vị: không có giá trị. - Khối lượng phân tử: 474,38 (g/mole). - Màu: trắng. - pH (1% dung môi/nước): không có giá trị. - Điểm sôi: không có giá trị. - Điểm tan chảy: 92,5°C. - Nhiệt độ tới hạn: không có giá trị. - Trọng lượng riêng: 1,757 (nước =1). - Áp suất bay hơi: không có giá trị. - Tỉ trọng bay hơi: 16,4 (không khí =1). - Sự bay hơi: không có giá trị. - Ngưỡng mùi: không có giá trị. - Hệ số phân phối nước/dầu: không có giá trị. - Ionicity (trong nước): không có giá trị. - Tính chất phân tán: hòa tan trong nước. - Sự hòa tan: một phần hòa tan trong nước lạnh. 		
10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT		
<ul style="list-style-type: none"> - Độ ổn định: hóa chất ổn định. - Nhiệt độ gây không ổn định: không có giá trị. - Những điều kiện gây không ổn định: các hóa chất không tương thích. - Những hóa chất không tương thích: phản ứng với tác chất oxi hóa, kim loại (thép, nhôm, đồng, kẽm), kiềm. - Tính ăn mòn: không có giá trị. 		

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Aluminum Potassium Sulfate</p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<p>- Poly hóa: không có giá trị.</p>		
<p>11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH</p>		
<p>- Đường đi vào: hô hấp, tiêu hóa.</p> <p>- Độc tính lên động vật: không có giá trị</p> <p>- Ảnh hưởng mãn tính lên con người: không có giá trị.</p> <p>- Ảnh hưởng độc tính lên con người: gây độc hại khi tiếp xúc da (kích ứng), tiêu hóa và hô hấp.</p> <p>- Lưu ý ảnh hưởng độc tính khác lên con người</p> <p>Độc cấp tính Da: gây kích ứng trên vùng da mỏng yếu. Mắt: bụi có thể gây kích ứng. Hít phải: bụi có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp và màng nhày. Tiêu hóa: gây kích ứng dạ dày. Triệu chứng gồm từ đau bụng và buồn nôn cho tới nặng như nôn ói và xuất huyết dạ dày tùy thuộc vào nồng độ và hàm lượng nuốt phải. Aluminum postassium sulfate cũng gây ra cảm giác khô ở vòm miệng và cổ họng.</p> <p>Độc mãn tính Ảnh hưởng lên não và xương. Ảnh hưởng mãn tính cho hệ hô hấp có thể gây ra xơ hóa, thủng phổi hay tràn khí. Những độc tính của hóa chất vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.</p>		
<p>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</p>		
<p>- Độc tính sinh thái: không có giá trị.</p> <p>- BOD₅ và COD: không có giá trị.</p> <p>- Sản phẩm phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.</p> <p>Độc tính sản phẩm phân hủy: không độc hại.</p>		
<p>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</p>		
<p>- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.</p> <p>- Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)</p>		

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Aluminum Potassium Sulfate</p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<p>Tái sử dụng nếu có thể</p> <p>Thu gom và xử lý dạng rắn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định. <p>Thu gom và xử lý dạng lỏng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp. • Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước. <p>Xử lý hóa chất dạng hơi: vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p> <p>Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kỵ với nhau (tham khảo trong bảng). - Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn. - Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó. - Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom. 		
<p>14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - Xếp loại DOT: không áp dụng. Nhận dạng: không áp dụng. 		
<p>15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Quy chuẩn áp dụng Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002. 		

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Aluminum Potassium Sulfate</p>	<p>MSDS: 16/10/2012</p>
<p>Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.</p> <p>- Xếp loại khác <i>DSCL (EEC):</i> R36/38- kích ứng mắt và da. S2- để xa tầm với trẻ em. S46- nếu nuốt phải, cần gọi cấp cứu ngay. <i>HMIS (U.S.A.)</i></p> <p>Độc hại sức khỏe: 2 Nguy hiểm cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: E</p> <p><i>National Fire Protection Association (U.S.A.)</i></p> <p>Sức khỏe: 2 Khả năng cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p>		
<p>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</p>		
<p>- Thông tin tham khảo: Aluminum potassium sulfate- science lab.com, INC, Mỹ</p> <p>- Ngày ghi: 16/10/2012</p> <p>- Ngày sửa đổi gần nhất: 16/10/2012</p> <p>- Tổ chức biên soạn: Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường.</p> <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		